BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

LƯU VĂN DIN

ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ THƠ HÀN MẶC TỬ TỪ GÓC NHÌN TÍN HIỆU THẨM MĨ

Chuyên ngành: Ngôn ngữ học

Mã số: 60.22.01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ

KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Đà Nẵng, Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. TRƯƠNG THỊ NHÀN**

Phản biện 1: **PGS.TS. HOÀNG TẤT THẮNG**

Phản biện 2: **TS. BÙI TRỌNG NGOÃN**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sỹ Khoa học Xã hội và Nhân văn họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 25 tháng 5 năm 2013

Có thể tìm luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại hoc Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

1.1. Đỗ Hữu Châu chỉ ra rằng: "Cách tiếp cận văn học của ngôn ngữ học trước đây xuất phát từ quan điểm thông thường: phương tiện của văn học là ngôn ngữ, cụ thể hơn là từ, câu, ngữ âm,…nghĩa là các sự kiện tự nhiên của các ngôn ngữ tự nhiên. Chúng tôi cho rằng không hẳn là như vậy. Phương tiện sơ cấp (primaire) của văn học là các tín hiệu thẩm mĩ. Nói rõ hơn, đơn vị của phương tiện của văn học là các tín hiệu thẩm mĩ, cú pháp của cái ngôn ngữ - tín hiệu thẩm mĩ này là cú pháp – tín hiệu thẩm mĩ" [21, 779]. Theo chúng tôi, tín hiệu thẩm mĩ là dấu hiệu nhận diện và giải mã khoa học; hữu hiệu nhất về ngôn ngữ nghệ thuật cũng như nội dung tư tưởng trong văn học.

1.2. Hàn Mặc Tử là một nốt trầm xao xuyến trong dàn đồng ca của Thơ mới. Những công trình nghiên cứu về văn chương cũng như cuộc đời Hàn Mặc Tử xuất hiện rất nhiều. Nhưng các nhà nghiên cứu hầu như chưa chú trọng đến vẻ đẹp ngôn ngữ thơ của ông dưới góc nhìn tín hiệu thẩm mĩ.

1.3. Hàn Mặc Tử là một trong những tác gia nổi bật trong phong trào Thơ mới. Văn chương của ông đã được đưa vào giảng dạy ở trường phổ thông. Vì vậy, việc tìm ra phương pháp tiếp nhận một cách tối ưu nhất tác phẩm của Hàn Mặc Tử nói riêng và của các nhà thơ, nhà văn lớn nói chung là việc làm rất cần thiết.

Từ những căn cứ khoa học, thực tiễn và nghiệp vụ trên, chúng tôi đi vào tìm hiểu đề tài: ***Đặc điểm ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử từ góc nhìn tín***

hiệu thẩm mĩ. Đề tài này sẽ có những ý nghĩa nhất định về mặt lí thuyết lẫn thực tiễn.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu khoa học của luận văn là *Đặc điểm ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử từ góc nhìn tín hiệu thẩm mĩ* nên chúng tôi sẽ đi sâu vào khảo sát những hình thức ngôn ngữ biểu đạt tín hiệu thẩm mĩ và giá trị biểu đạt của các hình thức ngôn ngữ - tín hiệu thẩm mĩ qua các tập thơ của Hàn Mặc Tử: *Lệ Thanh thi tập, Gái quê, Thơ điên - Đau thương, Xuân như ý, Thượng thanh khí, Cẩm châu duyên, Duyên kỳ ngộ, Quần tiên hội (Kịch thơ), Chơi giữa mùa trăng (thơ văn xuôi).*

3. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

3.1. Tổng quan tài liệu nghiên cứu về tín hiệu thẩm mĩ trong tác phẩm văn chương

Ở Việt Nam, tác giả Đỗ Hữu Châu là người đặt cơ sở nghiên cứu tín hiệu thẩm mĩ trong văn chương. Theo tác giả Trương Thị Nhàn – tác giả của luận án *Sự biểu đạt bằng ngôn ngữ các tín hiệu thẩm mỹ – không gian trong ca dao* thì: "Khái niệm tín hiệu thẩm mĩ" (hay "ký hiệu thẩm mĩ") ra đời gắn với khuynh hướng cấu trúc trong nghiên cứu mĩ học và nghệ thuật những năm giữa thế kỉ XX, được đưa vào sử dụng ở nước ta từ những năm 70 qua các bản dịch công trình của Iu.A.Philipiep, M.B.Khrapchenjco, các công trình, bài viết của Hoàng Trinh, Trần Đình Sử, Đỗ Hữu Châu, Nguyễn Lai… [34, 12]. Hiện nay, luận án của tác giả Trương Thị Nhàn cùng với công trình *Tiếp cận tác phẩm thơ ca dưới ánh sáng ngôn ngữ học hiện đại* của tác giả Bùi Trọng Ngoãn là hai công trình có đề cập về tín hiệu thẩm mĩ có giá trị nhất. *Ngôn ngữ văn chương* của Hoàng Kim Ngọc (Chủ biên) - Hoàng Trọng Phiến và *Ngôn ngữ với văn chương* của Bùi

Minh Toán cũng đề cập đến tín hiệu thẩm mĩ trên cơ sở kế thừa những tác giả đi trước.

3.2. Tổng quan tài liệu nghiên cứu về thơ Hàn Mặc Tử và vấn đề nghiên cứu ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử từ góc nhìn tín hiệu thẩm mĩ

Công trình nghiên cứu về cuộc đời cũng như thơ ca của Hàn Mặc Tử xuất hiện rất nhiều. Theo sự tìm hiểu của chúng tôi, các công trình nghiên cứu thơ ca của Hàn Mặc Tử chưa chú trọng đến vấn đề ngôn ngữ. Đề tài *Đặc điểm ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử từ góc nhìn tín hiệu thẩm mĩ* chưa có ai đề cập đến.

4. Mục tiêu nghiên cứu

Làm sáng tỏ những đặc điểm về ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử dưới góc nhìn tín hiệu thẩm mĩ, giá trị biểu đạt của các hình thức ngôn ngữ - tín hiệu thẩm mĩ trong thơ Hàn Mặc Tử, mang đến phương pháp tiếp nhận thơ Hàn Mặc Tử nói riêng và thơ của các thi nhân nói chung dưới cái nhìn khoa học ngôn ngữ qua góc nhìn tín hiệu thẩm mĩ.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đi vào nghiên cứu đề tài ***Đặc điểm ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử từ góc nhìn tín hiệu thẩm mĩ***, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp miêu tả

Trong phương pháp miêu tả, chúng tôi sử dụng các thủ pháp sau: Thủ pháp xã hội học, thủ pháp trường nghĩa, thủ pháp phân tích ngôn cảnh, thủ pháp phân loại và hệ thống hóa, thủ pháp phân tích thành tố trực tiếp, thủ pháp logic học, thủ pháp thống kê toán học.

- Phương pháp so sánh

Dưới góc nhìn tín hiệu thẩm mĩ, so sánh ngôn ngữ nghệ thuật trong các tập thơ để thấy được sự vận động trong ngôn ngữ nghệ thuật của Hàn Mặc Tử.

6. Bố cục của luận văn

Đề tài ***Đặc điểm ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử từ góc nhìn tín hiệu thẩm mĩ*** ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung chính của đề tài được chúng tôi triển khai qua ba chương sau:

Chương 1: Một số vấn đề chung

Chương 2: Các hình thức ngôn ngữ biểu đạt tín hiệu thẩm mĩ trong thơ Hàn Mặc Tử

Chương 3: Giá trị biểu đạt của các hình thức ngôn ngữ - tín hiệu thẩm mĩ trong thơ Hàn Mặc Tử.

CHƯƠNG 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

1.1. TÍN HIỆU THẨM MĨ

1.1.1. Khái niệm tín hiệu và tín hiệu thẩm mĩ

a. Tín hiệu (sign, signal) và tín hiệu ngôn ngữ

Theo nghĩa rộng, "một tín hiệu…là một kích thích mà tác động của nó đến cơ thể gợi ra hình ảnh kí ức của một kích thích khác" (P.Guiraud). Theo nghĩa hẹp, "một sự vật vật chất hay thuộc tính của nó, một hiện tượng thực tế sẽ trở thành tín hiệu nếu như trong quá trình giao tiếp, nó được nhân vật giao tiếp sử dụng trong khuôn khổ của một ngôn ngữ để truyền đạt một tư tưởng nào đó về thực tế, tức về thế giới bên ngoài hay về những cảm thụ nội tâm (những cảm xúc, những cảm thụ nghệ thuật, một ý chí…)" (A.Schaff). Khái niệm tín hiệu là một khái niệm khoa học quen thuộc với các nhà ngôn ngữ học. Đầu thế kỉ XX, F.Saussure đưa ra khái

niệm *tín hiệu ngôn ngữ* (linguistic sign). Đó là một đối tượng có hai mặt hình thức và ý nghĩa. Mỗi tín hiệu là cái tổng thể do sự kết hợp giữa cái biểu đạt (signifier) và cái được biểu đạt (signified). Cái biểu đạt trong ngôn ngữ là hình thức ngữ âm, còn cái được biểu đạt là khái niệm hay đối tượng được biểu thị [15, tr 413].

b. Tín hiệu thẩm mĩ

Trong luận án *Sự biểu đạt bằng ngôn ngữ các tín hiệu thẩm mỹ - không gian trong ca dao*, tác giả Trương Thị Nhàn chỉ ra rằng: Điểm chung nhất trong quan niệm của các nhà nghiên cứu là việc thừa nhận THTM là yếu tố thuộc hệ thống phương tiện biểu hiện của nghệ thuật. Đó là "những phương tiện nghệ thuật được tập trung theo một hệ thống thẩm mỹ, được chúng ta tiếp nhận như là những tín hiệu đặc biệt, có khả năng kích thích mạnh mẽ thế giới tinh thần của chúng ta" – theo cách nói của Iu.A.Philipiep, tác giả "những tín hiệu của thông tin thẩm mỹ" /96/. Những phương tiện này được kể đến một cách cụ thể hơn trong quan niệm của M.B.Khrapchenko /54/: những nhân hóa, ẩn dụ cố định, phúng dụ, tượng trưng, những hình tượng nghệ thuật đã được "mài mòn" và "cố định hóa" về mặt ý nghĩa mà theo tác giả "phù hợp với điều kiện hoạt động chức năng quan trọng của ký hiệu là phải có một cách hiểu thường xuyên được nhiều người biết đến" /54/. Trong phân tích của Hoàng Trinh, đó có thể là một bức họa, một vở múa, một hình ảnh ẩn dụ, một "figure" (hình thể từ ngữ) là ẩn dụ, hoán dụ trong văn học…mang đặc tính của "biểu trưng" (symbole) với "cái biểu trưng" và "cái được biểu trưng" của nó. Các nhà ngôn ngữ - phong cách học có thể giới hạn khái niệm tín hiệu thẩm mỹ hơn trong những " tín hiệu nghệ thuật chìa khóa…có giá trị tổ chức để biểu hiện tư tưởng tình cảm của bài văn" (Đái Xuân Ninh /93/) hay những "thần cú", những "nhãn tự", những TH ngôn ngữ mang phẩm chất thẩm mỹ: những từ ngữ, những đối thoại có tính thẩm mỹ trong văn học v.v…Các nhà nghiên

cứu lý luận văn học nói đến THTM trong ý nghĩa của một yếu tố thuộc hệ thống "ngôn ngữ - mã nghệ thuật" mà "hệ quy chiếu" của nó là thuộc thế giới văn bản nghệ thuật, đối lập với thế giới hiện thực. Nhân vật chẳng hạn. "Nhân vật cũng là ngôn ngữ. Các nhân vật quan hệ được với nhau vì chúng là ngôn ngữ" (Trần Đình Sử /109/). Sự khác nhau dẫn đến chỗ chưa có cơ sở để có một định nghĩa hoàn chỉnh về THTM giữa các tác giả nằm ở sự phân định cụ thể đối với hệ thống "phương tiện nghệ thuật" [34, tr 14].

Trong bài viết, *Một số vấn đề về phân tích văn chương từ góc nhìn ngôn ngữ - tín hiệu thẩm mỹ* [36], tác giả Trương Thị Nhàn cũng chỉ ra:

Xét về điều kiện tín hiệu học, THTM cũng là một thực thể hai mặt: hình thức vật chất hay "cái biểu hiện" (CBH) và nội dung tinh thần hay "cái được biểu hiện" (CĐBH), trong đó CBH của THTM là những yếu tố thuộc hệ thống phương tiện vật chất (chất liệu) được sử dụng trong các ngành nghệ thuật và CĐBH của THTM chính là những nội dung tinh thần mang tính thẩm mỹ.

Có thể hình dung THTM trong một cơ cấu hai mặt như sau:

$$\text{THTM} = \frac{\text{CBH: Chất liệu nghệ thuật}}{\text{CĐBH: Ý nghĩa thẩm mỹ}}$$

Xét về mặt nguồn gốc, THTM là TH nhân tạo, trong đó ý nghĩa "nhân tạo" nằm ở vai trò xây dựng và sáng tạo của người nghệ sĩ, ở mối quan hệ thẩm mỹ tất yếu giữa chủ thể sáng tạo và những đối tượng thuộc thế giới hiện thực trong sự tạo thành THTM.

Xét về mặt thể chất, THTM có thể là TH thính giác, TH thị giác v.v…, tuỳ thuộc vào đặc tính thể chất của mỗi loại hình nghệ thuật.

Xét về đặc tính mối quan hệ giữa hai mặt CBH và CĐBH, THTM là các TH – biểu trưng mà lý do biểu trưng nằm ở mối liên hệ giữa nội dung

thẩm mỹ với những nội dung của hiện thực được đưa vào TH qua con đường chuyển tải của chất liệu nghệ thuật. Có thể gọi THTM là những TH – biểu trưng nghệ thuật.

Xét trong mối tương quan với hệ thống các phương tiện vật chất (chất liệu) của nghệ thuật, THTM là TH sơ cấp (nguyên cấp) - TH chưa chuyển mã.

Xét về mặt chức năng, THTM là TH giao tiếp, và là giao tiếp của nghệ thuật, cũng là TH có chức năng biểu hiện (tái hiện hiện thực), chức năng biểu cảm (bộc lộ cảm xúc), chức năng tác động (về thẩm mỹ), chức năng hệ thống v.v…

Xét về đặc tính tổ chức, THTM là TH có thể phân tiết (TH phức).

Đỗ Hữu Châu viết: Ở đây, ý kiến của L.Hjelmslev về ngôn ngữ liêu hội (langage associatif) là một gợi ý có tính tiên đề phương pháp luận. Theo ông tín hiệu ngôn ngữ thông thường có cái biểu hiện và cái được biểu hiện của mình. Trong tác phẩm văn học, cả cái hợp thể cái biểu hiện và cái được biểu hiện của ngôn ngữ thông thường lại trở thành (đóng vai trò) cái biểu hiện cho một cái được biểu hiện mới [21, tr 779]. Điều đó được cụ thể qua mô hình sau:

<table>
<tr><td rowspan="3">Tín hiệu thẩm mĩ</td><td rowspan="2">Cái biểu đạt:
tín hiệu ngôn ngữ</td><td>Ngữ âm</td></tr>
<tr><td>Ý nghĩa</td></tr>
<tr><td colspan="2">Cái được biểu đạt: ý nghĩa thẩm mĩ</td></tr>
</table>

Trong *Ngôn ngữ với văn chương*, tác giả Bùi Minh Toán chỉ ra rằng: Tín hiệu thẩm mĩ là loại tín hiệu có chức năng thẩm mĩ: biểu hiện cái đẹp, truyền đạt và bồi dưỡng cảm xúc về cái đẹp. Nó cũng cần có hai mặt: cái biểu đạt và cái được biểu đạt, nhưng cái được biểu đạt là ý nghĩa thẩm mĩ [49, tr 139].

Từ những quan niệm trên về THTM, theo chúng tôi, trong văn chương, THTM là tín hiệu bậc hai. Trong đó, cái biểu đạt của tín hiệu thẩm mĩ là tín hiệu ngôn ngữ. Cái được biểu đạt là ý nghĩa thẩm mĩ. Từ cơ chế đó, chúng tôi nhận thấy cái biểu đạt của tín hiệu thẩm mĩ không thuần vật chất. Vì tín hiệu ngôn ngữ gồm hai mặt ngữ âm và ý nghĩa.

1.1.2. Đặc điểm của tín hiệu thẩm mĩ

Trong bài viết, *Một số vấn đề về phân tích văn chương từ góc nhìn ngôn ngữ - tín hiệu thẩm mỹ* [36], tác giả Trương Thị Nhàn cho rằng THTM có những đặc điểm sau: Tính đẳng, tác động, biểu hiện (tái hiện), biểu cảm (bộc lộ, biểu trưng, truyền thống và cách tân (hay vấn đề "cái mới"), trừu tượng và cụ thể (hay vấn đề hằng thể và biến thể), hệ thống, cấp độ của THTM.

Trong *Tiếp cận tác phẩm thơ ca dưới ánh sáng ngôn ngữ học hiện đại* [31], tác giả Bùi Trọng Ngoãn đã chỉ ra tín hiệu thẩm mĩ trong ngôn ngữ thơ có những đặc điểm sau: Tính hai mặt, có lí do, tính giải thích được, đa trị, hình tuyến, hệ thống, cấp độ của tín hiệu thẩm mĩ.

Chúng tôi theo quan điểm của hai tác giả Trương Thị Nhàn và Bùi Trọng Ngoãn.

1.1.3. Ngôn ngữ văn chương dưới góc nhìn tín hiệu thẩm mĩ

Nghiên cứu tính thẩm mĩ của ngôn ngữ văn chương thực chất là giải mã tác phẩm văn học xuất phát từ các hình thức biểu hiện bằng ngôn ngữ nghệ thuật để tìm hiểu các tầng nghĩa của tác phẩm: nghĩa mĩ học, triết học, đạo lí nhân sinh, văn hóa – xã hội…Tính thẩm mĩ của ngôn ngữ văn chương phải được nghiên cứu theo cách nhìn của tín hiệu thẩm mĩ [40, tr 56]. Tín hiệu thẩm mĩ là tín hiệu bậc hai có chức năng biểu trưng. Ngôn ngữ văn chương cũng là ngôn ngữ bậc hai cũng có chức năng biểu trưng.

Vì vậy, ngôn ngữ văn chương và tín hiệu thẩm mĩ có mối quan hệ mật thiết.

1.2. DANH TỪ, NGỮ ĐỊNH DANH, CỤM CHỦ - VỊ, CÂU

Danh từ là một từ loại quan trọng trong bất cứ ngôn ngữ nào. Danh từ là từ loại có ảnh hưởng không nhỏ đến các từ loại khác, là cái trục mà các từ loại khác xoay quanh để cấu tạo nên những đơn vị lớn hơn. Có nhiều cách định nghĩa khác nhau về danh từ. Theo Lê Biên: Danh từ bao gồm những từ chỉ sự vật và những thực thể có sự vật tính [3, tr 25].

Ngữ định danh là ngữ có danh từ làm thành tố trung tâm đứng ở đầu ngữ, thành phần đứng ở sau danh từ là định ngữ cho danh từ.

Cụm từ chủ - vị là cụm từ có hai thành tố chính là chủ ngữ và vị ngữ. Thông thường, chủ ngữ đứng trước vị ngữ.

Câu là đơn vị ngữ pháp dùng từ đặt ra trong quá trình suy nghĩ và thông báo nhằm diễn đạt một ý tương đối trọng vẹn, có cấu tạo ngữ pháp độc lập, có ngữ điệu kết thúc [10, tr 101].

Xét về phương tiện ngôn ngữ, THTM có thể được xây dựng từ các yếu tố ngữ âm, từ vựng, cú pháp, văn bản. Ở phạm vi đề tài, chúng tôi khảo sát các hình thức ngôn ngữ biểu đạt tín hiệu thẩm mĩ trong thơ Hàn Mặc Tử ở những khía cạnh sau: Hệ thống danh từ, kết cấu danh ngữ, cụm chủ - vị, câu và các kiểu kết hợp tín hiệu - tín hiệu. Theo chúng tôi, các hình thức ngôn ngữ biểu đạt tín hiệu thẩm mĩ trên là cơ bản nhất trong việc tiếp nhận tác phẩm văn học nói chung và văn chương Hàn Mặc Tử nói riêng.

1.3. VÀI NÉT VỀ CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG CỦA HÀN MẶC TỬ

1.3.1. Cuộc đời Hàn Mặc Tử

Chúng ta ai mà lại không xao xuyến trước một cuộc đời, một văn nghiệp "vô tiền khoáng hậu" như Hàn Mặc Tử (1912 - 1940). Thơ, tình,

bệnh tật và Chúa là bốn phạm trù nổi bật trong cuộc đời Hàn Mặc Tử. Hàn Mặc Tử chưa bước tới cái tuổi "tam thập nhi lập" nhưng đã lập được "thương hiệu" của mình trong dòng chảy của thời gian.

1.3.2. Sự nghiệp văn chương của Hàn Mặc Tử

Nhà phê bình Chu Văn Sơn đã suy tôn Hàn Mặc Tử là một trong ba đỉnh cao của Thơ mới. Với *Lệ Thanh thi tập, Gái Quê, Đau thương – Thơ điên, Xuân như ý, Thượng thanh khí, Cẩm châu duyên, Duyên kỳ ngộ, Quần tiên hội, Chơi giữa mùa trăng*, Hàn Mặc Tử thật là một trong ba đỉnh cao của Thơ mới.

1.4. TIỂU KẾT

Trong văn học, tín hiệu thẩm mĩ là tín hiệu bậc hai, là đơn vị thứ cấp. Tín hiệu thẩm mĩ trong văn học có những đặc điểm sau: *tính đẳng cấu, tính tác động, tính biểu hiện (tái hiện), tính biểu cảm (bộc lộ), tính biểu trưng, tính truyền thống và cách tân (hay vấn đề "cái mới"), tính trừu tượng và cụ thể (hay vấn đề hằng thể và biến thể), tính hệ thống*, *tính cấp độ, tính hai mặt, tính có lí do, tính giải thích được, tính đa trị, tính hình tuyến*. Nghiên cứu tác phẩm văn học đứng trên phương diện tín hiệu thẩm mĩ là một phương pháp ưu việt và khoa học nhất. Khi đó, chúng ta sẽ đi vào bóc tách từng lớp ngôn ngữ của tác phẩm, có cái nhìn tổng quan về tác phẩm và lí giải trên cơ sở khoa học từ hình thức đến nội dung và ngược lại. Hàn Mặc Tử là một gam màu khác lạ trong phông nền lịch sử văn học Việt Nam. Từ lâu, các nhà nghiên cứu đều thừa nhận nghiên cứu về văn chương của Hàn Mặc Tử thật không dễ. Vì văn chương của Hàn Mặc Tử rất bí hiểm ở cả nội dung lẫn hình thức. Theo chúng tôi, việc áp dụng tín hiệu thẩm mĩ vào nghiên cứu đặc điểm ngôn ngữ văn chương Hàn Mặc Tử là một con đường ngắn nhất trong tiếp cận văn chương của Hàn Mặc Tử.

CHƯƠNG 2
CÁC HÌNH THỨC NGÔN NGỮ BIỂU ĐẠT TÍN HIỆU THẨM MĨ TRONG THƠ HÀN MẶC TỬ

2.1. HỆ THỐNG DANH TỪ

Từ hệ thống danh từ trong thi phẩm của Hàn Mặc Tử, chúng ta sẽ rút ra những "mã" ngôn ngữ - tín hiệu thẩm mĩ của nhà thơ đó ở cấp độ từ loại. Ở phạm vi luận văn, chúng tôi khảo sát hệ thống danh từ trong thơ Hàn Mặc Tử ở 4 nhóm:

Nhóm danh từ về thiên nhiên là 123 danh từ; xuất hiện 1016 lần. Trong đó, những danh từ sau xuất hiện với tần số cao: *Trăng (228 lần), gió (82 lần), xuân (73 lần), trời (66 lần), mây (46 lần), nước (44 lần), nắng (41 lần), sao (26 lần), sương (21 lần), hoa (41 lần), chim (21 lần).*

Nhóm danh từ về con người là là 79 danh từ; xuất hiện 391 lần. Trong đó, những danh từ sau xuất hiện với tần số cao: *Lòng (75 lần), máu (21 lần), môi (20 lần), tay (19 lần), mắt (14 lần), lệ (12 lần), miệng (12 lần), má (11 lần), tình (56 lần*).

Bảng 2.1: Nhóm danh từ về thiên nhiên trong thơ Hàn Mặc Tử

TT	Tập thơ	Số lần xuất hiện	Tỉ lệ %
1	Lệ Thanh thi tập	70	*6.9*
2	Gái quê	147	*14.5*
3	Đau thương - Thơ điên	423	*41.6*
4	Xuân như ý	121	*12*
5	Thượng thanh khí	64	*6.3*
6	Cẩm châu duyên	27	*2.7*
7	Duyên kỳ ngộ	81	*7.9*
8	Quần tiên hội	13	*1.2*
9	Chơi giữa mùa trăng	70	*6.9*
	Cộng	***1016***	***100***

Bảng 2.2: Nhóm danh từ về con người trong thơ Hàn Mặc Tử

TT	Tập thơ	Số lần xuất hiện	Tỉ lệ %
1	Lệ Thanh thi tập	18	*4.6*
2	Gái quê	52	*13.2*
3	Đau thương - Thơ điên	151	*38.6*
4	Xuân như ý	38	*9.7*
5	Thượng thanh khí	34	*8.7*
6	Cẩm châu duyên	14	*3.6*
7	Duyên kỳ ngộ	27	*7.0*
8	Quần tiên hội	13	*3.3*
9	Chơi giữa mùa trăng	44	*11.3*
	Cộng	***391***	***100***

Bảng 2.3: Nhóm danh từ trong biệt ngữ Thiên Chúa giáo trong thơ Hàn Mặc Tử

TT	Tập thơ	Số lần xuất hiện	Tỉ lệ %
1	Lệ Thanh thi tập	4	*3.5*
2	Gái quê	1	*0.9*
3	Đau thương - Thơ điên	49	*42.6*
4	Xuân như ý	47	*40.8*
5	Thượng thanh khí	4	*3.5*
6	Cẩm châu duyên	1	*0.9*
7	Duyên kỳ ngộ	3	*2.6*
8	Quần tiên hội	0	*0*
9	Chơi giữa mùa trăng	6	*5.2*
	Cộng	***115***	***100***

Bảng 2.4: Nhóm danh từ chỉ địa danh và tên riêng trong thơ Hàn Mặc Tử

TT	Tập thơ	Số lần xuất hiện	Tỉ lệ %
1	Lệ Thanh thi tập	5	*4.3*
2	Gái quê	3	*2.6*
3	Đau thương - Thơ điên	26	*22.4*
4	Xuân như ý	24	*20.7*
5	Thượng thanh khí	19	*16.4*
6	Cẩm châu duyên	3	*2.6*

7	Duyên kỳ ngộ	16	*13.8*
8	Quần tiên hội	7	*6*
9	Chơi giữa mùa trăng	13	*11.2*
	Cộng	***116***	***100***

Bảng 2.5: Tỉ lệ số lần xuất hiện các danh từ của các nhóm trong nội bộ từng tập thơ của Hàn Mặc Tử

TT	Tậpthơ	*Danh từ về thiên nhiên*		*Danh từ về con người*		*Danh từ trong biệt ngữ Thiên Chúa giáo*		*Những địa danh và tên riêng*		Cộng	
		Số lần xuất hiện	*Tỉ lệ %*	Số lần xuất hiện	*Tỉ lệ %*	Số lần xuất hiện	*Tỉ lệ %*	Số lần xuất hiện	*Tỉ lệ %*	Số lần xuất hiện	*Tỉ lệ %*
1	Lệ Thanh thi tập	70	*72.2*	18	*18.6*	4	*4.1*	5	*5.1*	97	*100*
2	Gái quê	147	*72.4*	52	*25.6*	1	*0.5*	3	*1.5*	203	*100*
3	Đau thương - Thơ điên	423	*65.1*	151	*23.3*	49	*7.6*	26	*4*	649	*100*
4	Xuân như ý	121	*52.7*	38	*16.5*	47	*20.4*	24	*10.4*	230	*100*
5	Thượng thanh khí	64	*52.9*	34	*28.1*	4	*3.3*	19	*15.7*	121	*100*
6	Cẩm châu duyên	27	*60*	14	*31.1*	1	*2.2*	3	*6.7*	45	*100*
7	Duyên kỳ ngộ	81	*63.7*	27	*21.3*	3	*2.4*	16	*12.6*	127	*100*
8	Quần tiên hội	13	*39.4*	13	*39.4*	0	*0*	7	*21.2*	33	*100*
9	Chơi giữa mùa trăng	70	*52.6*	44	*33.1*	6	*4.5*	13	*9.8*	133	*100*

Các kết quả thống kê trên là những con số biết nói. Chúng tôi sẽ trả lời tiếng nói của các con số thống kê trên ở chương 3 của luận văn.

2.2. CÁC HÌNH THỨC MIÊU TẢ

Các tín hiệu nằm trong mục 2.1 muốn trở thành tín hiệu thẩm mĩ chúng phải nằm trong một hệ thống, phải nằm trong một cấu trúc miêu tả

và nằm trong mối quan hệ với các tín hiệu khác. Các yếu tố miêu tả - cụ thể hóa được thống kê trong đề tài là các yếu tố ngôn ngữ phụ thuộc đóng vai trò làm định ngữ trong kết cấu danh ngữ với các danh từ thuộc mục 2.1 hoặc các yếu tố vị ngữ trong các cụm chủ - vị và câu với các danh từ thuộc mục 2.1 làm chủ ngữ. Những hình thức đó xuất hiện ***602*** lần.

2.2.1. Kết cấu danh ngữ

Trong thơ Hàn Mặc Tử, kết cấu danh ngữ với danh từ trung tâm thuộc hệ thống danh từ ở mục 2.1 đứng ở đầu kết cấu danh ngữ kiểu **sứ thần - *Thiên Chúa*** xuất hiện ***272*** lần (45.2 % trong các hình thức miêu tả).

2.2.2. Cụm chủ - vị và câu

Trong thơ Hàn Mặc Tử, cụm chủ - vị và câu với danh từ thuộc mục 2.1 làm chủ ngữ kiểu **Chúa Giê – su - *ban ơn xuống cho mùa xuân hôn phối*** và **xuân - *về*** xuất hiện ***330*** lần (54.8 % trong các hình thức miêu tả).

2.3. CÁC KIỂU KẾT HỢP TÍN HIỆU - TÍN HIỆU

Việc kết hợp tín hiệu - tín hiệu cũng là một phương tiện tạo nên tín hiệu thẩm mĩ. Ở phạm vi luận văn, chúng tôi khảo sát hai kiểu kết hợp tín hiệu: Kết hợp trong một kết cấu chủ - vị và kết hợp trong một kết cấu sóng đôi (những tín hiệu ở đây là những tín hiệu thuộc mục 2.1). Những dạng kết hợp đó xuất hiện 120 lần.

2.3.1. Kết hợp trong một kết cấu chủ - vị

Dạng kết hợp trong một kết cấu chủ - vị kiểu **Nữ Đồng Trinh – *trăng*** (*Nữ Đồng Trinh* thuộc chủ ngữ, *trăng* thuộc vị ngữ) xuất hiện 83 lần (69.2 % những dạng kết hợp tín hiệu – tín hiệu).

2.3.2. Kết hợp trong một kết cấu sóng đôi

Dạng kết hợp trong một kết cấu sóng đôi kiểu **gió – *trăng*** (*gió* và *trăng* có mối quan hệ đẳng lập) xuất hiện 37 lần (30.8 % những dạng kết hợp tín hiệu – tín hiệu).

Dưới đây là bảng tổng kết của chúng tôi về các số liệu đã thống kê ở mỗi tập thơ của Hàn Mặc Tử qua những tiêu chí khác nhau:

Bảng 2.6: Kết cấu danh ngữ

TT	Tập thơ	Số lần xuất hiện	Tỉ lệ %
1	Lệ Thanh thi tập	9	*3.3*
2	Gái quê	52	*19.1*
3	Đau thương - Thơ điên	107	*39.3*
4	Xuân như ý	38	*14*
5	Thượng thanh khí	18	*6.6*
6	Cẩm châu duyên	8	*2.9*
7	Duyên kỳ ngộ	19	*7*
8	Quần tiên hội	5	*1.9*
9	Chơi giữa mùa trăng	16	*5.9*
	Cộng	***272***	***100***

Bảng 2.7: Cụm chủ - vị và câu

TT	Tập thơ	Số lần xuất hiện	Tỉ lệ %
1	Lệ Thanh thi tập	20	*6.0*
2	Gái quê	36	*10.9*
3	Đau thương - Thơ điên	124	*37.6*
4	Xuân như ý	54	*16.3*
5	Thượng thanh khí	22	*6.7*
6	Cẩm châu duyên	25	*7.6*
7	Duyên kỳ ngộ	16	*4.9*
8	Quần tiên hội	9	*2.7*
9	Chơi giữa mùa trăng	24	*7.3*
	Cộng	***330***	***100***

Bảng 2.8: Kết hợp trong một kết cấu chủ - vị

TT	Tập thơ	Số lần xuất hiện	Tỉ lệ %
1	Lệ Thanh thi tập	6	*7.2*
2	Gái quê	9	*10.8*
3	Đau thương - Thơ điên	34	*41*
4	Xuân như ý	13	*15.7*
5	Thượng thanh khí	8	*9.6*
6	Cẩm châu duyên	3	*3.7*

7	Duyên kỳ ngộ	4	*4.8*
8	Quần tiên hội	1	*1.2*
9	Chơi giữa mùa trăng	5	*6*
	Cộng	***83***	***100***

Bảng 2.9: Kết hợp trong một kết cấu sóng đôi

TT	Tập thơ	Số lần xuất hiện	Tỉ lệ %
1	Lệ Thanh thi tập	7	*18.9*
2	Gái quê	11	*29.8*
3	Đau thương - Thơ điên	10	*27*
4	Xuân như ý	1	*2.7*
5	Thượng thanh khí	0	*0*
6	Cẩm châu duyên	0	*0*
7	Duyên kỳ ngộ	3	*8.1*
8	Quần tiên hội	0	*0*
9	Chơi giữa mùa trăng	5	*13.5*
	Cộng	***37***	***100***

2.4. TIỂU KẾT

Trong thơ Hàn Mặc Tử, hệ thống danh từ ở 4 nhóm là 319 danh từ, với 1638 lần xuất hiện. Như vậy, trung bình một danh từ xuất hiện xấp xỉ 5.13 lần. Số danh từ ở mỗi nhóm không đồng đều nhau: Nhóm danh từ thiên nhiên là 123 danh từ ; xuất hiện 1016 lần (trung bình một danh từ xuất hiện xấp xỉ 8.26 lần), nhóm danh từ về con người là 79 danh từ; xuất hiện 391 lần (trung bình một danh từ xuất hiện xấp xỉ 4.94 lần), nhóm danh từ về biệt ngữ Thiên Chúa giáo là 36 danh từ; xuất hiện 115 lần (trung bình một danh từ xuất hiện xấp xỉ 3.19 lần), nhóm danh từ về địa danh và tên riêng là 81 danh từ; xuất hiện 116 lần (trung bình một danh từ xuất hiện xấp xỉ 1.43 lần).

Danh từ ở các nhóm xuất hiện dưới dạng các hình thức miêu tả và các kiểu kết hợp tín hiệu – tín hiệu cũng không đồng đều nhau. Dạng các hình thức miêu tả xuất hiện 602 lần: Nhóm danh từ về thiên nhiên xuất

hiện 332 lần (105 lần là kết cấu danh ngữ, 227 lần là cụm chủ - vị và câu), nhóm danh từ về con người xuất hiện 202 lần (123 lần là kết cấu danh ngữ, 79 lần là cụm chủ - vị và câu), nhóm danh từ thuộc biệt ngữ Thiên Chúa giáo xuất hiện 63 lần (43 lần là kết cấu danh ngữ, 20 lần là cụm chủ - vị và câu), nhóm danh từ về địa danh và tên riêng xuất hiện 5 lần (1 lần là kết cấu danh ngữ, 4 lần là cụm chủ - vị và câu).

Những kết quả thống kê trên trong thơ Hàn Mặc Tử không đồng đều nhau là do hai nguyên nhân: *Nguyên nhân thứ nhất* là do dung lượng mỗi tập thơ khác nhau: Có tập thơ dài, có tập thơ ngắn và có tập thơ chưa viết xong. *Nguyên nhân thứ hai* là phụ thuộc vào tâm trạng của Hàn Mặc Tử qua những chặng đường đời.

Những hình thức ngôn ngữ trên (cơ bản nhất) biểu đạt tín hiệu thẩm mĩ trong thơ Hàn Mặc Tử. Trong thơ Hàn Mặc Tử, các hình thức ngôn ngữ - THTM trên mang giá trị biểu đạt rất cao. Chúng tôi sẽ triển khai vấn đề đó trong chương 3.

CHƯƠNG 3
GIÁ TRỊ BIỂU ĐẠT CỦA CÁC HÌNH THỨC NGÔN NGỮ - TÍN HIỆU THẨM MĨ TRONG THƠ HÀN MẶC TỬ

3.1. GIÁ TRỊ BIỂU ĐẠT CHUNG CỦA CÁC HÌNH THỨC NGÔN NGỮ - THTM TRONG THƠ HÀN MẶC TỬ

3.1.1. Các hình thức ngôn ngữ - THTM trong thơ Hàn Mặc Tử biểu đạt một *cái tôi trữ tình* đa diện

Các hình thức ngôn ngữ - THTM trong thơ Hàn Mặc Tử biểu đạt một cái tôi trữ tình bẽn lẽn, âm thầm, nhạy cảm**,** biểu đạt một cái tôi trữ tình

khát khao, rạo rực, mãnh liệt, vui tươi**,** biểu đạt một cái tôi trữ tình đau thương, u sầu, ám ảnh, biểu đạt một cái tôi trữ tình siêu thoát, tôn giáo.

3.1.2. Các hình thức ngôn ngữ - THTM trong thơ Hàn Mặc Tử biểu đạt khả năng xóa nhòa mọi ranh giới

Các hình thức ngôn ngữ - THTM trong thơ Hàn Mặc Tử biểu đạt khả năng xóa nhòa ranh giới giữa vật – vật, biểu đạt khả năng xóa nhòa ranh giới giữa người - vật, biểu đạt khả năng xóa nhòa ranh giới giữa đời - đạo (đạo Thiên Chúa) .

3.1.3. Các hình thức ngôn ngữ - THTM trong thơ Hàn Mặc Tử biểu đạt không - thời gian nghệ thuật độc đáo

Các hình thức ngôn ngữ - THTM trong thơ Hàn Mặc Tử biểu đạt không - thời gian tâm lí, biểu đạt không - thời gian vũ trụ, biểu đạt không - thời gian tôn giáo, biểu đạt không gian cơ thể, biểu đạt không gian - thời gian của cuộc sống thường nhật.

3.2. GIÁ TRỊ BIỂU ĐẠT CỦA CÁC NHÓM DANH TỪ - THTM QUA NHỮNG HÌNH TƯỢNG, BIỂU TƯỢNG NGHỆ THUẬT TIÊU BIỂU TRONG THƠ HÀN MẶC TỬ

3.2.1. Trăng

Trăng là một tín hiệu chiếm một vị trí rất quan trọng trong hệ thống tín hiệu thẩm mĩ của văn chương Hàn Mặc Tử. Trăng là một tín hiệu thẩm mĩ mang tính đa trị: Trăng là một nhân vật trữ tình, biểu đạt vẻ đẹp, tình yêu và khát khao, biểu đạt những điều tan nát, đau khổ, ghê rợn và ma quái.

3.2.2. Gió

Trong thơ Hàn Mặc Tử, *gió* trở thành tín hiệu bậc hai (tín hiệu thẩm mĩ) mang những giá trị biểu đạt cao, mang tính đa trị. Nghĩa là ở địa hạt tín hiệu thẩm mĩ, gió mang nhiều cái được biểu đạt. Tín hiệu thẩm mĩ gió

tượng trưng cho nỗi buồn, cho hiện thực phũ phàng, sự hoang tàn, chia li, sự vô thường, sự dồi dào, sự nhập nhằng, khó phân định, những điều tốt đẹp của cuộc sống con người, sự ngây thơ, hồn nhiên, những trạng thái tâm lí thăng hoa, những gì tinh nghịch, tươi vui, sự thức tỉnh.

3.2.3. Xuân

Trong thơ Hàn Mặc Tử, tín hiệu thẩm mĩ xuân là một tín hiệu có tính đa trị mang những cái được biểu đạt mới sau: Xuân biểu đạt những vấn đề của Thiên Chúa giáo, biểu đạt những vấn đề tuổi trẻ, hạnh phúc, vẻ đẹp, biểu đạt nỗi u sầu.

3.2.4. Nắng

Nắng trong thơ Hàn thi si đã trở thành một tín hiệu bậc hai độc đáo: Tín hiệu thẩm mĩ nắng tượng trưng cho những gì thanh khiết, tinh khôi, rạo rực nhất, cho một cái tôi hư ảo, một cái tôi "điên".

3.2.5. Máu

Máu là một tín hiệu thẩm mĩ mang tính đa trị: Máu biểu đạt những điều ghê rợn nhưng thanh sạch, đạt những điều đau khổ, biểu đạt tâm tư, tình cảm của con người.

3.2.6. Hồn

Trong thơ Hàn Mặc Tử, ở phạm vi tín hiệu thẩm mĩ, hồn xuất hiện với những cái được biểu đạt sau: Hồn biểu đạt nỗi đau thương tột cùng, sự tự do:, lí tính, cảm tính của con người.

3.3. TIỂU KẾT

Trên đây, chúng tôi đã chỉ ra những giá trị biểu đạt của các hình thức ngôn ngữ - THTM trong thơ Hàn Mặc Tử. Các hình thức ngôn ngữ - THTM trong thơ Hàn Mặc Tử mang giá trị biểu đạt rất cao, cụ thể: Các hình thức ngôn ngữ - THTM trong thơ Hàn Mặc Tử biểu đạt khả năng xóa nhòa mọi ranh giới: *khả năng xóa nhòa ranh giới giữa vật - vật, giữa*

người - vật, giữa đời - đạo (đạo Thiên Chúa), biểu đạt không - thời gian nghệ thuật độc đáo: *không - thời gian tâm lí, không - thời gian vũ trụ, không - thời gian tôn giáo, không gian cơ thể, không gian - thời gian của cuộc sống thường nhật*, biểu đạt một *cái tôi trữ tình* đa diện: *bẽn lẽn, âm thầm, nhạy cảm, khát khao, rạo rực, mãnh liệt, vui tươi, đau thương, u sầu, ám ảnh, siêu thoát, tôn giáo*, biểu đạt những hình tượng, biểu tượng nghệ thuật cơ bản trong thơ Hàn Mặc Tử: *Trăng, Gió, Xuân, Nắng, Máu, Hồn*. Đó là những mã - ngôn ngữ nghệ thuật độc đáo trong thơ Hàn Mặc Tử ở cấp độ từ loại. Các tín hiệu thẩm mĩ *Trăng, Gió, Xuân, Nắng, Máu, Hồn* tượng trưng cho sự hòa hợp thiên - địa - nhân trong thơ Hàn Mặc Tử. Giá trị biểu đạt của các hình thức ngôn ngữ - THTM trên đã cơ bản khái quát được những đặc trưng ngôn ngữ nghệ thuật, đặc trưng nội dung tư tưởng trong tác phẩm của Hàn Mặc Tử.

KẾT LUẬN

Tín hiệu thẩm mĩ là một khái niệm liên ngành. Nghiên cứu ngôn ngữ văn chương từ góc nhìn tín hiệu thẩm mĩ là một hướng đi không mới, nhưng luôn hứa hẹn những khám phá riêng của người nghiên cứu, đặc biệt trong việc góp phần làm sáng tỏ đặc điểm ngôn ngữ nghệ thuật của một loại thể, một tác giả và một tác phẩm văn học. Những nghiên cứu về tín hiệu thẩm mĩ có thể chỉ ra được "mã" ngôn ngữ - tín hiệu thẩm mĩ của các loại thể, các tác giả, tác phẩm văn chương. Chúng tôi xin nhắc lại ý kiến của GS. Đỗ Hữu Châu về vấn đề này: Cách tiếp cận văn học của ngôn ngữ học trước đây xuất phát từ quan điểm thông thường: phương tiện của văn học là ngôn ngữ, cụ thể hơn là từ, câu, ngữ âm,…nghĩa là các sự kiện tự nhiên của các ngôn ngữ tự nhiên. Chúng tôi cho rằng không hẳn là như vậy. Phương tiện sơ cấp (primaire) của văn học là các tín hiệu thẩm mĩ.

Nói rõ hơn, đơn vị của phương tiện của văn học là các tín hiệu thẩm mĩ, cú pháp của cái ngôn ngữ - tín hiệu thẩm mĩ này là cú pháp – tín hiệu thẩm mĩ" [21, 779]. Tính đẳng cấu, tính tác động, tính biểu hiện (tái hiện), tính biểu cảm (bộc lộ), tính biểu trưng, tính truyền thống và cách tân (hay vấn đề "cái mới"), tính trừu tượng và cụ thể (hay vấn đề hằng thể và biến thể), tính hệ thống, tính cấp độ, tính hai mặt, tính có lí do, tính giải thích được, tính đa trị, tính hình tuyến là những đặc trưng của tín hiệu thẩm mĩ. Cách tiếp cận tác phẩm văn học từ các hình thức ngôn ngữ - THTM là cách tiếp cận khoa học nhất. Hàn Mặc Tử là một nhà thơ độc nhất vô nhị trong lịch sử văn học Việt Nam. Hơn bảy mươi năm đã qua (từ khi Hàn Mặc Tử về với Chúa), Hàn Mặc Tử vẫn còn như một đỉnh núi sừng sững đầy bí ẩn. Công trình nghiên cứu về thơ và đời Hàn Mặc Tử xuất hiện rất nhiều. Nhưng, các nhà nghiên cứu chưa chú trọng đến việc nghiên cứu văn chương của Hàn Mặc Tử từ góc nhìn tín hiệu thẩm mĩ. Vì vậy, luận văn này tiến đến tiếp cận văn chương Hàn Mặc Tử theo một hướng đi mới - từ góc nhìn tín hiệu thẩm mĩ.

Đề tài *Đặc điểm ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử từ góc nhìn tín hiệu thẩm mĩ* được chúng tôi triển khai qua hai luận điểm lớn: Các hình thức ngôn ngữ biểu đạt tín hiệu thẩm mĩ trong thơ Hàn Mặc Tử và giá trị biểu đạt của các hình thức ngôn ngữ - tín hiệu thẩm mĩ trong thơ Hàn Mặc Tử.

Các hình thức ngôn ngữ biểu đạt tín hiệu thẩm mĩ trong thơ Hàn Mặc Tử được chúng tôi triển khai qua ba vấn đề: Hệ thống danh từ, các hình thức miêu tả, các kiểu kết hợp tín hiệu - tín hiệu. Theo chúng tôi, ba vấn đề đó là ba vấn đề cơ bản nhất trong việc tiếp nhận ngôn ngữ thơ, giá trị nội dung, tư tưởng thơ của các nhà thơ nói chung và Hàn Mặc Tử nói riêng dưới góc nhìn tín hiệu thẩm mĩ. Bởi, thơ là sự tái hiện hiện thực khách quan qua lăng kính cảm xúc và mĩ cảm. Việc tái hiện đó phải qua hình ảnh.

Mà hình ảnh là do từ loại danh từ đảm nhiệm. Việc tái hiện phải qua thủ pháp miêu tả (các hình thức miêu tả) và phải nằm trong một hệ thống, các yếu tố trong hệ thống có mối quan hệ hai chiều (các kiểu kết hợp tín hiệu - tín hiệu) mới đem lại ngôn ngữ bậc hai (ngôn ngữ thơ). Dưới đây là kết quả mà chúng tôi đã khảo sát dựa vào ba tiêu chí trên: Trong thơ Hàn Mặc Tử, số lượng các danh từ và số lần xuất hiện các danh từ giữa các nhóm có sự chênh lệch nhau: Nhóm danh từ về thiên nhiên có số lượng (123 danh từ) và số lần xuất hiện các danh từ (1016 lần) nhiều nhất, nhóm danh từ về con người có số lượng (79 danh từ) và số lần xuất hiện các danh từ (391 làn) đứng thứ hai, nhóm danh từ về những địa danh và tên riêng có số lượng (81 danh từ) và số lần xuất hiện các danh từ (116 lần) đứng thứ ba, nhóm danh từ trong biệt ngữ Thiên Chúa giáo có số lượng (36 danh từ) và số lần xuất hiện các danh từ (115 lần) đứng cuối cùng. Mỗi nhóm đều có những danh từ xuất hiện nhiều lần. Những danh từ này chính là những tín hiệu thẩm mĩ tâm, đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên những giá trị biểu đạt trong thơ Hàn Mặc Tử. Nhóm danh từ về thiên nhiên có những từ sau lặp lại nhiều lần: trăng (228 lần), gió (82 lần), xuân (73 lần), trời (66 lần), mây (46 lần), nước (44 lần), nắng (41 lần), sao (26 lần), sương (21 lần), hoa (41 lần), chim (21 lần), liễu (10 lần), cam (7 lần),…Nhóm danh từ về con người có những từ sau lặp lại nhiều lần: lòng (75 lần), máu (21 lần), môi (20 lần), tay (19 lần), mắt (14 lần), lệ (12 lần), miệng (12 lần), má (11 lần), tình (56 lần), ân tình (7 lần), duyên (6 lần), hạnh phúc (5 lần), tình yêu (5 lần),… Nhóm danh từ trong biệt ngữ Thiên Chúa giáo có những từ sau lặp lại nhiều lần: hồn (54 lần), linh hồn (7 lần), kinh (6 lần), Bà (5 lần),…Nhóm về địa danh và tên riêng có những từ sau lặp lại nhiều lần: Hàn Giang (6 lần), Phan Thiết (6 lần), Phượng Trì (6 lần),…Số lần xuất hiện các kết cấu danh ngữ trong mối quan hệ với hệ thống danh từ tương

ứng: Kết cấu danh ngữ có danh từ trung tâm là danh từ về thiên nhiên: 105 lần / 1016 số lần xuất hiện các danh từ, kết cấu danh ngữ có danh từ trung tâm là danh từ về con người: 123 lần / 391 số lần xuất hiện các danh từ, kết cấu danh ngữ có danh từ trung tâm là danh từ trong biệt ngữ Thiên Chúa giáo: 43 lần / 115 số lần xuất hiện các danh từ, kết cấu danh ngữ có danh từ trung tâm là danh từ về những địa danh và tên riêng: 1 lần / 116 số lần xuất hiện các danh từ. Số lần xuất hiện các cụm chủ - vị trong mối quan hệ với hệ thống danh từ tương ứng: Cụm chủ - vị có chủ ngữ là danh từ về thiên nhiên: 227 lần / 1016 số lần xuất hiện các danh từ, cụm chủ - vị có chủ ngữ là danh từ về con người: 79 lần / 391 số lần xuất hiện các danh từ, cụm chủ - vị có chủ ngữ là danh từ danh từ trong biệt ngữ Thiên Chúa giáo: 20 lần / 115 số lần xuất hiện các danh từ, cụm chủ - vị có chủ ngữ là danh từ về những địa danh và tên riêng: 4 lần / 116 số lần xuất hiện các danh từ. Số lần xuất hiện các kết hợp trong một kết cấu chủ - vị trong mối quan hệ với hệ thống danh từ tương ứng: Các kết hợp trong một kết cấu chủ - vị có chủ ngữ là danh từ về thiên nhiên: 50 lần / 1016 số lần xuất hiện các danh từ, các kết hợp trong một kết cấu chủ - vị có chủ ngữ là danh từ về con người: 19 lần / 391 số lần xuất hiện các danh từ, các kết hợp trong một kết cấu chủ - vị chủ ngữ là danh từ trong biệt ngữ Thiên Chúa giáo: 9 lần / 115 số lần xuất hiện các danh từ, các kết hợp trong một kết cấu chủ - vị có chủ ngữ là danh từ những địa danh và tên riêng: 5 lần / 116 số lần xuất hiện các danh từ. Số lần xuất hiện các kết hợp trong một kết cấu sóng đôi trong mối quan hệ với hệ thống danh từ tương ứng: Các kết hợp trong một kết cấu sóng đôi có danh từ về thiên nhiên: 28 lần / 1016 số lần xuất hiện các danh từ, các kết hợp trong một kết cấu sóng đôi có danh từ về con người: 6 lần / 391 số lần xuất hiện các danh từ, các kết hợp trong một kết cấu sóng đôi có danh từ trong biệt ngữ Thiên Chúa giáo: 0 lần / 115 số lần xuất hiện các danh từ,

các kết hợp trong một kết cấu sóng đôi có danh từ về những địa danh và tên riêng: 3 lần / 116 số lần xuất hiện các danh từ.

Ngoài những thông tin miêu tả (nội dung tái hiện hiện thực), THTM phải bao hàm những thông tin về cảm xúc, về thái độ, về sự đánh giá, về tư tưởng thẩm mỹ của người nghệ sĩ. M. B. Khrápchenkô xác định, có một "hệ số cảm xúc" nhất định, một "cơ cấu cảm xúc" thuộc cấu trúc THTM. Theo tác giả, cảm xúc vừa là cái để truyền đạt trong THTM, vừa là cái "xác định gián tiếp các đối tượng và hiện thực", làm cơ sở cho việc hiểu một THTM…Biểu trưng là đặc tính của THTM xét trong mối quan hệ hai mặt CBH và CĐBH. Đó là mối quan hệ "có lý do", liên quan đến năng lực biểu trưng hoá của các yếu tố, các chi tiết, các sự vật, hiện tượng được đưa vào làm THTM trong tác phẩm [36]. Một cái biểu đạt của tín hiệu thẩm mĩ có thể ứng với nhiều cái được biểu đạt khác nhau…Trái lại, cũng có những trường hợp nhiều cái biểu đạt ứng với một cái được biểu đạt [31]. Chúng tôi đã soi chiếu những điều trên vào ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử và nhận thấy: Các hình thức ngôn ngữ - THTM trong thơ Hàn Mặc Tử mang giá trị biểu đạt rất cao, cụ thể: Các hình thức ngôn ngữ - THTM trong thơ Hàn Mặc Tử biểu đạt khả năng xóa nhòa mọi ranh giới, biểu đạt không - thời gian nghệ thuật độc đáo, biểu đạt một *cái tôi trữ tình* đa diện, biểu đạt những hình tượng, biểu tượng nghệ thuật cơ bản trong thơ Hàn Mặc Tử. Giá trị biểu đạt của các hình thức ngôn ngữ - THTM đã cơ bản khái quát được những đặc trưng ngôn ngữ nghệ thuật, đặc trưng nội dung tư tưởng của Hàn Mặc Tử. Đề tài có thể ứng dụng trong nghiên cứu, giảng dạy ngôn ngữ văn học nói chung và ngôn ngữ - tín hiệu thẩm mĩ trong thơ Hàn Mặc Tử nói riêng.